

QUESTIONNAIRE FOR GDP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Nguyễn Thành Quốc Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Khánh cơ
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 05-05-1942 - Tại Quận Nhi Sài Gòn
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 10/1^B Cánh Mang Thang 8 - phường 8
Quận Tân Bình - Thành Phố Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 10/1^B Cánh Mang Thang 8 - phường 8
Quận Tân Bình - Thành Phố Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ Mộc
7. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Phạm Thị Hồi	10-03-1945	Gia Định	Nữ		Vợ chính
2. Nguyễn Ai Quốc	25-01-1964	Tân Sơn Nhì	Nam	Có gia đình	Con
3. Nguyễn Cẩm Việt	10-10-1965	Sài Gòn	Nam	Có gia đình	Con
4. Nguyễn Thành Ninh	16-1-1967	Sài Gòn	Nam	Độc Thân	Con
5. Nguyễn Thị Thu Hà	13-9-1968	Sài Gòn	Nữ	Độc Thân	Con
6. Nguyễn Hữu Thắng	30-9-1969	Sài Gòn	Nam	Độc Thân	Con
7. Nguyễn Thị Thanh Hoa	16-5-1971	Sài Gòn	Nữ	Độc Thân	Con
8. Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20-5-1972	Sài Gòn	Nữ	Độc Thân	Con
9. Nguyễn Thanh Hoa	24-5-1977	Sài Gòn	Nam	Độc Thân	Con

1. Xin đính kèm giấy gia đình và giấy khai sinh của con tôi
+ Anh Cẩm Việt (con nhân)

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, lá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn đồng chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.:
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : Quang Thìn - Nguyễn

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Dưỡng

c. Address
Địa-chỉ : St Paul - MN USA

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Nguyễn Thành Châu (chết)

2. Mother
Mẹ : Phu Thi Lâm (chết)

3. Spouse
Vợ/Chồng : Phạm Thị Hải (v)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái:

(1)	<u>Nguyễn Á Quốc</u>	<u>25-01-1964</u>	<u>Có gia đình</u>
(2)	<u>Nguyễn Văn Đạt</u>	<u>10-10-1965</u>	<u>Có gia đình</u>
(3)	<u>Nguyễn Thành Hình</u>	<u>16-01-1967</u>	<u>Độc Thân</u>
(4)	<u>Nguyễn Thị Thu Hà</u>	<u>13-09-1968</u>	<u>Độc Thân</u>
(5)	<u>Nguyễn Thìn Thắng</u>	<u>30-09-1969</u>	<u>Độc Thân</u>
(6)	<u>Nguyễn Thị Thanh Hải</u>	<u>16-05-1971</u>	<u>Độc Thân</u>
(7)	<u>Nguyễn Thị Mỹ Hạnh</u>	<u>20-05-1972</u>	<u>Độc Thân</u>
(8)	<u>Nguyễn Thành Hòa</u>	<u>24-05-1977</u>	<u>Độc Thân</u>
(9)			

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	_____
(2)	_____
(3)	_____
(4)	_____
(5)	_____
(6)	_____
(7)	_____
(8)	_____
(9)	_____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. **Employee Name**
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment **From:** **To:**
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. **Employee Name**
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment **From:** **To:**
Thời-gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. **Employee Name**
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment **From:** **To:**
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. **Name of Person Serving**
Họ tên người tham-gia: _____
2. **Dates:** **From:** **To:**
Ngày, tháng, năm Từ Đến

.....
3. **Last Rank** **Serial Number:**
Cấp-bậc cuối-cùng : Số thẻ nhân-viên: _____
4. **Ministry/Office/Military Unit**
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chúng : _____
5. **Name of Supervisor/C.O.**
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : _____

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Ngày 30-4-1975 Tôi theo lệnh của TT Dương
Đặng Minh cho đi về quê gia đình khi đang sống
tên chiếm Thành phố Sài Gòn

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

G. M. CHOW

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

Không có

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Có nhưng Thất lạc

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :

Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

Đến:

4. Description of Courses :

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training? :

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

Nguyễn Thành Quốc

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

1-05-1975

To:

Đến:

28-05-1975

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

08-09-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Giấy ra Trại Sau khi Học Tập cải Tạo
- Ảnh cá nhân trước, Trong, Sau
- Quyết Định Thống cấp Tặng Sĩ Nhất

Ủy Ban Quân Quản
Thành Phố Sài Gòn - Gia-Định

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

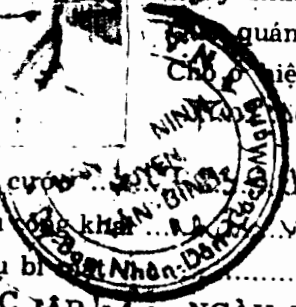
Số 11.11.67 /CN

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐI HỌC TẬP CẢI TẠO**



Họ và tên thật Nguyễn Văn Tấn Quốc
Tên thường gọi Nguyễn Văn Tấn Quốc
Ngày sinh 05/07/1942
Quê quán Sài Gòn
Chỗ ở hiện tại 107 Ấp Hàng Dầu, Xã
Phước An, Huyện Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Số căn cước 1157... Cấp bậc Trung Sĩ 2
Chức vụ Sĩ Quan Dự Bị... Binh chủng Cảnh Sát Đ.B.
Chức vụ bị bắt Nhãn Đám... Đơn vị Phòng Cảnh Sát Thủ Đức
ĐÃ HỌC TẬP ĐẠT NGAY TẠI Nguyên nhân không thể...



 Nghón cái trái	NHÂN DẠNG : Cao 1m Nặng kg Dấu riêng
 Nghón cái phải	 tháng năm 1975 TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN Ban An Ninh Nội Chính  CAO-ĐĂNG-CHIÊM
CHÚ Ý : Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương. C-266/VB/HĐ Nghiệm chính chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng. Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện. — Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.	

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận Tân Bình

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 2470

Quyển số 13/1977



	NGUYỄN THANH HÒA		Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi bốn, tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy (24-5-1977).		
Nơi sinh	Nhà báo sanh quận 10		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN THANH QUỐC 1942	PHẠM THỊ HAI 1945	
Dân tộc Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Thợ may 10/1A Cách Mạng T. Tám Phường 8	Nồi trạo 10/1A Cách Mạng T. Tám Phường 8	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNEC của người đứng khai	NGUYỄN THÀNH TỨC		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 11 năm 1979

TM/UBND Quận Tân Bình ký tên đóng dấu

PHO VĂN PHƯƠNG

Đã ký ngày 27 tháng 5 năm 1977

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TUN. Ủy viên hồ tịch quận Tân Bình

(chữ ký)

Bùi-Thắng



PHAN VĂN PHƯƠNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

XÃ TÂN SƠN HOA

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 19 72

Số hiệu 998



Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH.
Phái	Nữ
Sinh	Ngày hai mươi hai, tháng năm, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tên sơn h'oa
Cha	Nguyễn thành Quốc
(Tên, họ)	
Nghề	Cảnh sát
Cư trú tại	Ấp Hàng dầu
Mẹ	Phạm thị Hai
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Ấp Hàng dầu
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thờ)	

Trích y bốn chánh :

~~XXXXXXXXXX~~ :~~XXXXXXXXXX~~

TÂN SƠN HOA, ngày 16 tháng 12 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



PHẠM-VĂN-CH

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu: Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/SHV/HG/79
ngày 3-8-70.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã số HT3/P3

Xã, Thị trấn PH
Thị xã, Quận PH
Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 379/1971
Quyển số 5



NGƯỜI SẼ TI: THÀNH HAI Nam, nữ nữ

ngày mười sáu, tháng năm, năm một ngàn chín
trăm đẩy mươi mốt. (16/5/1971)

tháng, năm

Nơi sinh

Tân Sơn Hòa

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

NGUYỄN THÀNH QUỖ
29 tuổi

PHẠM THỊ HAI
20 tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

công sát

môi trợ

Nơi ĐKNK thường trú

Tân Sơn Hòa

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

PHẠM THỊ LAN

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 5 tháng 2 năm 1985

TM/UBND ... Ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 17 tháng 5 năm 1985 **71**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Hộ lý xã Tân Sơn Hòa

Đã ký

NGUYỄN VĂN TÂN



QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

TRẦN VĂN TRỌNG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

XÃ TÂN SƠN HOA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN TÂN BÌNH

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 19 69

Số hiệu 1497



Tên, họ đầy đủ	NGUYỄN HỮU THẮNG.
Phái	Nam
Sinh	Ngày ba mươi, tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín. 1969
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	Tân sơn hòa
Cha	Nguyễn thành Quốc
(Tên, họ)	
Nghề	Công chức
Cư trú tại	Tân sơn hòa
Mẹ	Phạm thị Hai
(Tên, họ)	
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Tân sơn hòa
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Trích y bốn chánh :

~~KIẾN THỊ~~

TÂN SƠN HOA, ngày 13 tháng 12 năm 197 2

~~XÃ TRƯỞNG~~

ỦY VIÊN HỘ TỊCH,

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BNV/HC/27
ngày 3-8-70,

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

M1- UT3/P1

Số, Thẻ trên

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 8150

Quyển số



NGUYỄN THỊ THU HÀ

Nam, nữ

13/02/1963

tháng, năm

Đã khai báo

Nơi sinh

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

Nguyễn Thành Quốc

Phạm Thị Phai

Dân tộc

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Nghề nghiệp

Nơi ĐKKK thường trú

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đông ký ngày 14 tháng 3 năm 1963

Ngày 25 tháng 3 năm 1963

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND ký tên đóng dấu



Hoàng Nam Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

M4- 872/73

Hà, Thị trấn
Thị xã, Quốc
Thành phố, Tỉnh

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 705

Quyển số



	NGUYỄN THÀNH MINH		Nam, 1/7
	16/01/1967		21h35
tháng, năm			
Nơi sinh	455 Lê Văn Duyệt		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thành Quốc	Phạm Thị Mai	
	25 T	22 T	
Dân tộc	Kinh		
Quốc tịch	Việt Nam		
Nghề nghiệp	Công nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKKK thường trú	10/1 A 30	Hàng Đậu	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người dùng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày 22 tháng 1 năm 1967

Ngày 25 tháng 1 năm 1967

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND ký tên đóng dấu



Hoàng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3, P3

Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận Quận 9
Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 10.137

Quyển số _____



	Nguyễn Văn Việt		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày 10 tháng 11 năm 1965		
Nơi sinh	Quận Ba Sài Gòn		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Thành Quân	Phạm Thị Hai	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 11 năm 1971

TM/UBND Quận 9 ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 31 tháng 11 năm 1971

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Nguyễn Văn Việt

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN Tân Bình

XÃ

Tân sơn nhĩ

ĐÃ KÈM SƠ ĐỒ BÚNG TRÔNG SỞ

Nhân-vệ phụng-trào

M/12

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH



Năm 19 74

Số hiệu 81

Trích lục, an phòng lao
toa Số Tham Saigon số

7110/ND ngày 16.7.1968

Ấn chạnh thức hoa cho :

Nguyễn-Ái-Quốc như sau:

Phân, rưng kẻ từ ngày :

Nguyễn-Ái-Quốc là con từ

sinh được chạnh thức hoa

do sự nhìn nhận và chấp thuận

than trắng là con chung

sau ngày lập hợp thú cùn

Nguyễn-Thành-Quốc và

Phạm-Thị-Hai

Tân sơn Nhĩ, Ngày 15.7.1973

Xa Trưởng Kiệm H-Tích

Tên, họ ấu nhi

Phải

Sanh

(Ngày, tháng, năm)

Tại

Chia

(Tên, họ)

Cháu

trú tại

Mẹ

(Tên, họ)

Tích

Cư trú tại

Vợ

(Chạnh hay thú)

Nguyễn-Ái-Quốc

Nam

Ngày hai mươi lăm, tháng giêng năm một
ngàn chín trăm bảy mươi bốn (25.01.64)

Tân sơn Nhĩ

Nguyễn-Thành-Quốc

Làm công

Tân sơn Hòa

Phạm-Thị-Hai

Nội trợ

Tân sơn Nhĩ

Trích y bốn chạnh :

KIẾN-THỊ :

XÃ-TRƯỞNG

Tân sơn nhĩ, ngày 15 tháng 01 năm 1973

Xa Trưởng K. UY-VIÊN MỘTỊCH



NGUYỄN-VĂN-NHỊ

MIỄN THỊ THỰC CHỦ TỊCH

Chạm chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366, BNV HC 29
ngày 3-8-70.

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Bản số 1604 /

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm: bonmuoillam (1945)



Tên, họ đứa nhỏ.	Phạm thị Hai
Phối	féminin
Ngày sanh.	le dix Mars mil neuf cent quarante cinq à 21h
Nơi sanh.	Saigon, 455 rue de Verdun
Tên, họ người Cha	/
Nghề-nghiệp.	/
Nơi cư-ngụ	/
Tên, họ người mẹ.	Phạm thị Lê
Nghề-nghiệp.	sans profession
Nơi cư-ngụ.	Saigon, rue de Verdun
Vợ chánh hay thứ	célibataire

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 1 tháng 9 năm 1967

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

TRƯỞNG-PHÒNG HỘ-TỊCH



HỒ-ĐÌNH-CHÍNH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

XÃ TÂN SƠN HOÀ

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN

BỘ HÔN-THƯ



Năm 19 67

Số hiệu 132

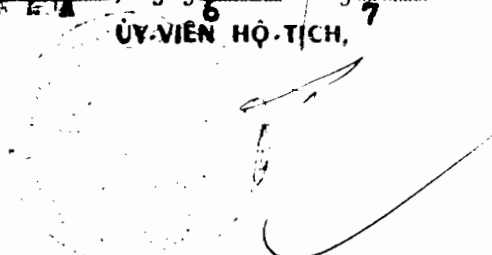
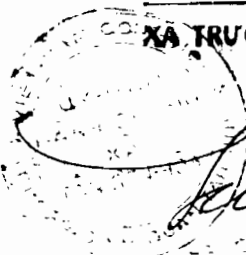
Người chồng :	NGUYỄN - THÀNH - QUỐC
Đinh tại :	Quận Tân Sơn Hòa, Sài Gòn
Sinh ngày :	Ngày 10, tháng 10, năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai. 1942
Cha chồng :	Vợ danh
(Tên họ, sống chết phải nói)	Vợ danh
Mẹ chồng :	
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Người vợ :	TRẦN - THỊ - HAI
(Tên họ)	Vợ chánh
Vợ (chánh hay lẽ) :	
Sinh tại :	Sài Gòn
Sinh ngày :	Ngày 10, tháng 10, năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm. 1945
Cha vợ :	Vợ danh
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Mẹ vợ :	Phục tại L
(Tên họ, sống chết phải nói)	
Ngày cưới :	Ngày 10, tháng 10, năm 1967

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :

XÁ-TRƯỞNG

XÃ TÂN SƠN HOÀ, ngày 6 tháng 7 năm 1972
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



MIỀN TIỀN THỰC CHƯ KÝ

LÊ-VĂN-TÂM

Tam chiếu: Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366, BNV/HC/29
ngày 2-8-70.

Số 100/195 TL IV 70

.....
.....

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1. 3.000 Công-nút-viên ngoài ngạch có tên dưới đây, được thăng cấp Trư-ư-Sĩ I (Đương-nghĩa) kể từ ngày 01-11-1970:

Số TT	Họ và Tên	Ngày thăng cấp	Đợt
2619	Nguyễn Văn Thọ	3.2.47	Cấp-Tay Công-Tính Diệt-Hải
2620	Lê Văn Thuận	21.8.42	-nt-
2621	Trần Văn Chỉnh	12.10.47	-nt-
2622	Lê Văn Tuấn	10.11.47	-nt-
2623	Nguyễn Văn Anh	1.1.44	-nt-
2624	Võ Văn Quý	15.3.47	-nt-
2625	Lê Văn Hùng	9.5.48	-nt-
2626	Dương Văn	1.1.35	-nt-
2627	Phan Văn B.	5.10.47	-nt-
2628	Nguyễn Văn Kiệt	9.10.43	-nt-
2629	Trần Văn Tuấn	5.1.47	-nt-
2630	Đỗ Văn Nam	3.5.42	-nt-
2631	Nguyễn Văn Thành-Công	1.1.42	-nt-
2632	Trần Văn	16.4.36	-nt-
2633	Phan Văn Phước	19.7.41	-nt-
2634	Nguyễn Văn Hùng	2.5.42	-nt-
2635	Nguyễn Văn Yên	11.8.33	-nt-
2636	Trần Văn Vũ	1.9.41	-nt-
2637	Nguyễn Văn Hùng	1.2.43	-nt-
2638	Trần Văn Hùng-Riêng	17.7.43	-nt-
2639	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2640	Trần Văn Hùng	14.1.43	-nt-
2641	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2642	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2643	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2644	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2645	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2646	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2647	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2648	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2649	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2650	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2651	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2652	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2653	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-
2654	Trần Văn Hùng	1.1.42	-nt-

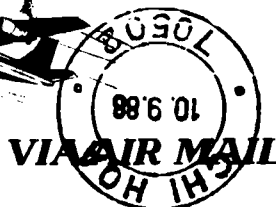
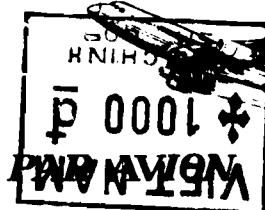
1/2

Nguyễn Thành Quốc
40/1 - Cách Mạng Tháng 8 phường 8
Quận Tân Bình TP. Hồ Chí Minh
Việt Nam

PAR AVION



SEP 22 1988



PAR AVION

Bà, Nguê - Minh - Thô
PO BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
USA

Kính gửi Bà 6

Tôi được anh em Bọn bên này gửi Thăm về thăm Thế, Sự nghiệp của bà cũng như việc bà đang làm. Nên Tôi mạnh dạn viết Thư này đến Bà.

Trước tiên chúc Bà và gia quyến luôn được dồi dào sức khỏe và thành phúc.

Sau kính như Bà giúp đỡ Tôi một việc nhỏ nhằm dạy Tôi có gửi kèm Theo Thư một số giấy tờ cá nhân về hồ sơ xa đi theo chương trình QDP của khoảng Tháng ba năm nay. Tôi có gửi qua Thái Lan một lần nhưng không thấy trả lời, vì phải gửi bưu phẩm báo đảm đã thất lạc nên Tôi không nhớ số đề hỏi lại, Nay Tôi gửi số hồ sơ này đến bà mong bà vui lòng giúp đỡ cho Tôi. Bà biết như Bà thấy hệ số của Thuyền 01. Xin bà vui lòng báo giúp cho Tôi biết để Tôi bổ túc thêm. /.

Cúi Thư xin bà nhàn nơi đây lòng Thành Kính và biết ơn của gia đình đang Tôi

TB;
Bí sát Hong
Sát tra lai
Của bà

Sai gôn 8-9-1988
Người Việt
Nguyễn Thành Quốc

C O N T R O L

____ Card
____ ~~*~~ Doc. Request; Form 4/24/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter